TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP.C** **TỈNH Đ** Bản án số: 02/2023/DS-ST. Ngày: 13-01-2023. V/v tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.C

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê V A

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn T
2. Bà Bùi Thị R

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị K, thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.C tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Q- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 13 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân TP.C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2021/TLST-DS, ngày 18 tháng 3 N 2021, về việc *"Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2022/QĐST-DS, ngày 09 tháng 9 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 132A/QĐST-DS, ngày 21/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hứa Văn N, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số tổ c, khóm q, phường M, TP.C, TỈNH Đ.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1970;

Địa chỉ: tổ c, khóm q, phường M, TP.C, TỈNH Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông Th: Bà Ngô Thị K X, sinh năm 1960, địa chỉ: Phường M, TP.C, TỈNH Đ – là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 12/4/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Sen H, sinh năm 1967 (vợ ông N);
2. Chị Hứa Lê Kim C, sinh năm 1993 (con ông N);
3. Chị Hứa Lê Hoàng K, sinh năm 1998 (con ông N);

Địa chỉ: tổ C, khóm Q, Phường M, TP.C, TỈNH Đ.

4. Bà Bùi Thị Nh, sinh năm 1977 (vợ ông Th);

Địa chỉ: tổ C, khóm Q, Phường M, TP.C, TỈNH Đ.

Người đại diện hợp pháp của bà Nh: Bà Ngô Thị K X, sinh năm 1960, địa chỉ: Phường M, TP.C, TỈNH Đ – là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 19/10/2021).

5. Anh Phạm Trường Đ, sinh năm 1998 (con ông Th);

Địa chỉ: tổ C, khóm Q, Phường M, TP.C, TỈNH Đ.

Người đại diện hợp pháp của anh Đ: Bà Ngô Thị K X, sinh năm 1960, địa chỉ: Phường M, TP.C, TỈNH Đ – là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 19/10/2021).

6. Anh Phạm Trường K, sinh ngày 31/8/2003 (con ông Th).

Địa chỉ: tổ C, khóm Q, phường M, TP. Cao Lãnh, TỈNH Đ.

Người đại diện hợp pháp của anh K: Bà Ngô Thị K X, sinh N 1960, địa chỉ: Phường M, TP.C, TỈNH Đ – là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 19/10/2021).

7. Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1992

Đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm Q, Phường M , TP.C, TỈNH Đ.

8. Ông Dương Hữu P, sinh năm 1982

Địa chỉ hiện nay: , khóm 1, Phường M, TP.C, TỈNH Đ.

Ông Hứa Văn N, bà Ngô Thị K X có mặt;

Bà Lê Thị Sen H, chị Hứa Lê K C, chị Hứa Lê Hoàng K và ông Dương Hữu P có đơn đề nghị vắng mặt;

Ông Nguyễn Hoàng A vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Hứa Văn N trình bày:

Vào N 1991, ông Hứa Văn B (cha ông N) nhận chuyển nhượng diện tích đất chiều ngang 12m x chiều dài 17m của ông Phạm Văn B (cha của Phạm Văn Th), khi nhận chuyển nhượng có làm giấy tay có xác nhận của UBND phường M, đất tại khóm Q, phường M, TP.C, TỈNH Đ). N 1992, ông B cho ông N diện tích 119 m^2 (chiều ngang 07 mét, dài 17 mét). Đến ngày 19/12/2008, ông N được UBND TP. C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số …, tờ bản đồ số …, diện tích …., mục đích sử dụng đất ở đô thị. N 2016, ông N xây gạch bó nền, trồng trụ đá, làm hàng rào lưới B40 giáp đất ông Th.

N 2018, ông Th thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi tiến hành đo đạc thực tế thì ông Th chỉ đo lấn chiếm qua phần đất của ông N khoảng 5m^2 (trong đó có chiều ngang 0,32m, chiều dài 16m) và lấn chiếm phần đất của ông N giáp đường nhựa số 10 là khoảng 6,3m^2 (chiều ngang 0,9m, chiều dài 7m) thuộc thửa đất số …, tờ bản đồ số .., đất tọa lạc tại.phường M, TP.C, TỈNH Đ nên ông N không đồng ý ký tên vào biên bản đo đạc. Ngày 06/9/2018, ông Th được UBND TP. C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số …, tờ bản đồ số …, tọa lạc tại Phường M, TP.C, TỈNH Đ. Việc ông Th đã lấn chiếm phần đất của ông N giáp đường nhựa số 10 là khoảng 6,3m^2 thuộc thửa đất số …, tờ bản đồ số … đã làm ảnh hưởng đến việc đi lại ra lộ công cộng vì đây là lối đi duy nhất của gia đình ông N. Ngày 30/7/2020, ông N yêu cầu UBND Phường M tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay ông Hứa Văn N xác định và yêu cầu:

Xác định diện tích đất 6 m^2 trong phạm vi các mốc 6, 5, D, trở về mốc 6 do ông N đang quản lý, sử dụng đã xây bó nền, san lắp cát, làm hàng rào trụ đá bao lưới B40. Không đồng ý tháo dỡ, di dời gạch xây bó nền, san lắp cát, làm hàng rào trụ đá bao lưới B40 trong phạm vi các mốc 6, 5, D, trở về mốc 6 để trả đất cho ông Th, đất tọa lạc tại phường M, TP.C, Đồng Tháp theo yêu cầu của

ông Th. Trên không gian của diện tích đất 6 m^2 (trong phạm vi các mốc 6, 5, D, trở về mốc 6) có một phần mái che nhà của ông Th xây cất N 2018, yêu cầu hộ ông Th tháo dỡ, di dời phần mái che.

Yêu cầu hộ ông Th tháo dỡ, di dời nhà ở trả lại cho ông N diện tích đất 4,3 m^2 trong phạm vi các mốc 5, 5A, 9B, D, trở về mốc 5, đất tọa lạc tại phường M, TP.C, TỈNH Đ.

Ông Th không có sử dụng phần đất 4,5 m^2 trong phạm vi các mốc 4, 9A, B, C, trở về mốc 4 *(giữa đất ông N giáp với đường số 10 - phần đất giáp vỉa hè)*, đất tọa lạc tại phường M, TP.C, Đ. Ông N rút yêu cầu khởi kiện, không tranh chấp với hộ ông Th diện tích đất này.

Xác định ranh đất thửa …. và thửa …. từ mốc 9B, 5A, 5 đến mốc 6, tọa lạc khóm Q, phường M, TP.C, TỈNH Đ.

- Ông Phạm Văn Th có bà Ngô Thị K X đại diện trình bày:

Nguồn gốc đất thửa đất số …, tờ bản đồ số …, đất tọa lạc tại phường M, TP.C, TỈNH Đ do cha mẹ ông Th là ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị U cho ông Th từ năm 1988, diện 105 m^2, N 1997, hộ ông Th cất nhà ở. Hộ ông Th được cấp quyền sử dụng đất theo GCN số : CH01678, ngày 05/9/2018, thửa .., tờ bản đồ số …, diện tích đất .. m^2. Hiện nay trong hộ gồm có ông Th, vợ Bùi Thị Nh, con Phạm Trường Đ và Phạm Trường K.

Tại phiên tòa bà X trình bày:

Diện tích đất 6m^2 trong phạm vi các mốc 6, 5, D, trở về mốc 6 ông N xây gạch bó nền, san lắp cát, làm hàng rào trụ đá bao lưới B40 vào N 2016. Đồng thời căn nhà ông Th xây dựng N 2005, có mái nhà che qua không gian một phần của diện tích đất trong phạm vi các mốc 6, 5, D, trở về mốc 6, do tole hư hỏng nên năm 2018 thay mới mái tole cũ. Yêu cầu hộ ông N tháo dỡ, di dời gạch xây bó nền, san lắp cát, hàng rào trụ đá bao lưới B40 trong phạm vi các mốc 6, 5, D, trở về mốc 6 trả cho ông Th diện tích đất 6 m^2.

Không đồng ý trả cho ông N phần diện tích đất 4,3 m^2 trong phạm vi các mốc 5, 5A, 9B, D, trở về mốc 5, tại phường M, TP.C, TỈNH Đ, vì đất này ông Th đã cất nhà ở.

Hộ ông Th không có sử dụng diện tích đất 4,5 m^2 trong phạm vi các mốc 4, 9A, B, C, trở về mốc 4 (giữa đất ông N giáp đường số 10 - phần đất giáp vỉa hè).

Xác định ranh đất từ mốc 6 đến mốc D, tọa lạc khóm Q, phường M, TP.C, TỈNH Đ.

- Bà Bùi Thị Nh, anh Phạm Trường Đ và anh Phạm Trường K có bà Ngô Thị K X đại diện ý kiến: Đồng ý theo ý kiến của ông Th.

- Ông Dương Hữu P trình bày: N 2022, ông P nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1992, địa chỉ: tổ Phường M, TP.C, TỈNH Đ diện tích đất 88,2 m^2, thửa …, tờ bản đồ số .., tại Phường M, TP.C, TỈNH Đ, vị trí thửa đất giáp một bên thửa … (của ông Hứa Văn B) và một bên thửa .. (của ông Tống H), ông P đã được cấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DD 46267, ngày 05/5/2022 do ông P đứng tên, trên diện tích đất này có căn nhà cấp 4. Diện tích đất không giáp thửa đất … của

ông Phạm Văn Th. Nay ông P không tranh chấp, không ý kiến gì về việc tranh chấp giữa ông Hứa Văn N và ông Phạm Văn Th.

- Bà Lê Thị Sen H, chị Hứa Lê Kim C, chị Hứa Lê Hoàng K và ông Nguyễn Hoàng A: *Không có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.*

- Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015;

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa : Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015;

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông N yêu cầu hộ ông Th di dời tài sản trên diện tích 4,5m^2;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N buộc hộ ông Th di dời tài sản trên diện tích đất 4,3m^2;

Không chấp nhận yêu cầu của ông Th yêu cầu ông N di dời tài sản trên diện tích đất 6m^2;

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất tại thửa ... của hộ ông N với quyền sử dụng đất tại thửa ... của hộ ông Th là đoạn thẳng nối từ các mốc D, 5 đến mốc 6. Buộc hộ ông Th tháo dở phần mái che trong phạm vi các mốc 5, M’ , M, 6 trở về mốc 5 theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 22/12/2022.

Tại phiên toà, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Sen H, chị Hứa Lê Kim C, chị Hứa Lê Hoàng K và ông Dương Hữu P vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt), ông Nguyễn Hoàng A vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vắng mặt.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của ông Hứa Văn N tranh chấp quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP.C, TỈNH Đ.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của ông Hứa Văn N :

Yêu cầu hộ ông Th tháo dỡ, di dời nhà trả diện tích đất 4,3 m^2 trong phạm vi các mốc 5, 5A, 9B, D, trở về mốc 5 và tháo dỡ, di dời một phần mái nhà che

vi phạm qua không gian đất của ông N trong phạm vi các mốc 6, 5, D, trở về mốc 6, đất tọa lạc tại phường M, TP.C, Đ.

Xác định ranh đất từ mốc 9B, 5A, 5, đến mốc 6, tọa lạc khóm .., phường M, TP.C, TỈNH Đ.

Vào N 1991, ông Hứa Văn B (cha ông N) nhận chuyển nhượng diện tích đất chiều ngang 12m x chiều dài 17m của ông Phạm Văn B *(cha của ông Phạm Văn Th)*, khi nhận chuyển nhượng có làm giấy tay có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M, đất tại tổ …, khóm .., phường M, TP.C, TỈNH Đ. Năm 1992, ông B cho ông N diện tích đất chiều ngang 07 mét, chiều dài 17 mét, diện tích 119 m^2. Năm 1992, ông N cất nhà tạm để ở, đến năm 2008, hộ Hứa Văn N được Ủy ban nhân dân TP. C cấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số …, tờ bản đồ số .., diện tích 112,2 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AN057475, số vào sổ cấp GCN : H02894, ngày 19/12/2008 do hộ Hứa Văn N đứng tên. Năm 2009, ông N dỡ nhà đi nơi khác ở, diện tích đất này để trống. Năm 2106, ông N xây gạch bó nền, san lắp cát trong phạm vi các 8, 6, 5, D, 4, C, 3, trở về mốc 8, trong đó làm hàng rào trụ đá, bao lưới B40 từ mốc 5, D và đang sử dụng toàn bộ diện tích đất.

Xét yêu cầu của ông Phạm Văn Th, yêu cầu hộ ông N di dời gạch bó nền, cát san lắp, hàng rào trụ đá bao lưới B40 trả diện tích đất 6 m^2 trong phạm vi các mốc 6, 5, D, trở về mốc 6.

Ông N và hộ ông Th trình bày, thời điểm năm 1991 hai bên có trồng trụ đá ranh hai đầu đất (phía sau và phía giáp đường số 10), hiện hai trụ đá không còn.

Tại công văn số 1675/CNVPĐKĐĐ-TPCL, ngày 14/7/2021 của C nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP.C xác định: "*Phần đất torng phạm vi các mốc 1, 10, F, D, 5, 6, 7, 12, trở về mốc 11 tương ứng vị trí đất tại thửa …, tờ bản đồ số 10 được Ủy ban nhân dân TP.C, TỈNH Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Phạm Văn Th và Bùi Thị Nh vào ngày 05/9/2018, số vào sổ cấp GCN: CH01678, cấp lần đầu vào ngày 05/9/2018".*

Tại công văn số 3344/CNVPĐKĐĐ-TPCL, ngày 24//11/2022 của C nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP.C xác định: "*Phần diện tích đất trong phạm vi các mốc 4, D, 5, 6, trở về mốc 4 thuộc một phần thửa …, tờ bản đồ số 10 đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn Th và một phần thửa .., tờ bản đồ số 10 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hứa Văn N*".

Xét thấy, hai bên đã sử dụng đất ổn định tại ranh đất từ mốc 6, 5, D vì diện tích đất trong phạm vi các mốc 5, 5A, 9B, D, trở về mốc 5 hộ ông Th đã cất nhà ở, diện tích đất trong phạm vi các mốc 6, 5, D, trở về mốc 6 ông N đã xây gạch bó nền, san lắp cát, làm hàng rào trụ đá bao lưới B40 từ năm 2016 và đang sử dụng. Hơn nữa, hộ ông Th được cấp quyền sử dụng đất năm 2018, tức sau khi ông N xây gạch bó nền, san lắp cát và làm hàng rào trụ đá bao lưới B40. Đồng thời, ông N xác định ranh đất từ mốc 9B, 5, 5A, đến mốc 6 và ông Th xác định ranh đất từ mốc 6 đến mốc D là chưa phù hợp. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của ông N, yêu cầu hộ ông Th trả diện tích đất trong phạm vi các mốc 5, 5A, 9B,

D, trở về mốc 5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Th, yêu cầu hộ ông N trả diện tích đất trong phạm vi các mốc 6, 5, D, trở về mốc 6.

Xác định ranh đất chung giữa đất hộ ông Hứa Văn N (thửa …) với đất hộ Phạm Văn Th (thửa ..) được xác định như sau: Nối đọan thẳng từ mốc 6 đến 5 và từ mốc 5 đến mốc D làm ranh đất, tọa lạc Phường M, TP.Cao Lãnh, Đ. Ranh đất được xác lập theo Cều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất theo qui định pháp luật. Tài sản của bên nào vi phạm qua ranh đất phải tự tháo dỡ, di dời về phần đất của mỗi bên được quyền sử dụng, trong đó một phần mái nhà ông Th vi pham qua ranh trong phạm vi các mốc 5, 6, M, M, trở vế mốc 5. Buộc hộ ông Th phải tháo dỡ, di dời mái nhà vi phạm qua ranh trong phạm vi các mốc 5, 6, M, M', trở về mốc 5.

(kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2021, biên bản ngày 14/12/2021, biên bản ngày 22/12/2022; sơ đồ đo đạc ngày 08/6/2021, sơ đồ ngày 15/02/2022 và sơ đồ ngày 22/12/2022).

Theo biên bản định giá ngày 06/5/2021, đất thửa .. và .., tờ bản đồ số 10, tại Phường m, TP. C, giá 1.500.000 đồng/m^2.

Ông N và hộ ông Th thống nhất hộ ông Th không có sử dụng diện tích đất 4,5 trong phạm vi các mốc 4, 9A, B, C, trở về mốc 4 (là phần đất giáp vỉa hè, giáp đường số 10). Ông N không tranh chấp và rút yêu cầu khởi kiện, do đó đình chỉ xét xử yêu cầu này.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.C là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hứa Văn N yêu cầu ông Phạm Văn Th trả diện tích đất 4,3 m^2, giá 1.500.000 đồng/m^2, thành tiền 6.450.000 đồng không được chấp nhận nên phải chịu án phí số tiền 322.500 đồng;

Ông Phạm Văn Th, bà Nh yêu cầu ông Hứa Văn N trả diện tích đất 06 m^2, giá 1.500.000 đồng/m^2, thành tiền 9.000.000 đồng không được chấp nhận nên ông Th phải chịu án phí số tiền 450.000 đồng;

Về chi phí tố tụng *(xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá):* số tiền 10.313.000 đồng ông N đã nộp tạm ứng, ông N và ông Th mỗi người chịu ½ là 5.156.500 đồng. Ông Th có trách nhiệm trả lại cho ông N số tiền 5.156.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175 của Luật Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 101, Điều 166 của Luật đất đai N 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Hứa Văn N, yêu cầu hộ ông Phạm Văn Th, bà Bùi Thị Nh, Phạm Trường Đ và Phạm Trường K trả diện tích đất 4,3 m^2

trong phạm vi các mốc 5, 5A, 9B, D, trở về mốc 5, tọa lạc, Phường M, TP. C, TỈNH Đ.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Th, yêu cầu hộ ông Hứa Văn N, bà Lê Thị Sen H, chị Hứa Lê K C và chị Hứa Lê Hoàng K trả diện tích đất 6 m^2 trong phạm vi các mốc 6, 5, D, trở về mốc 6, tọa lạc Phường M, TP. C, TỈNH Đ.

Xác định ranh đất chung giữa đất hộ ông Hứa Văn N (thửa ..) với đất hộ ông Phạm Văn Th (thửa ..) được xác định như sau: Nối đọan thẳng từ mốc 6 đến mốc 5 và từ mốc 5 đến mốc D làm ranh đất, tọa lạc Phường M, TP. C, Đ. Ranh đất được xác lập theo Cều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất theo qui định pháp luật. Tài sản của bên nào vi phạm qua ranh đất phải tự tháo dỡ, di dời về phần đất của mỗi bên được quyền sử dụng. Buộc hộ ông Phạm Văn Th, bà Bùi Thị Nh, Phạm Trường Đ và Phạm Trường K phải tháo dỡ, di dời mái nhà vi phạm trong phạm vi các mốc 5, 6, M, M', trở về mốc 5, tọa lạc Phường M, TP .C, TỈNH Đ.

(kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2021, biên bản ngày 14/12/2021, biên bản ngày 22/12/2022; sơ đồ đo đạc ngày 08/6/2021 và sơ đồ ngày 15/02/2022 và sơ đồ ngày 22/12/2022).

Hộ ông Hứa Văn N và hộ ông Phạm Văn Th, bà Bùi Thị Nh đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với đất thực tế theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Hứa Văn N đối với diện tích đất 4,5 m^2 trong phạm vi các mốc 4, 9A, B, C, trở về mốc 4, tọa lạc Phường M, TP. C, Đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hứa Văn N phải chịu án phí số tiền 322.500 đồng. Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.130.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007763, ngày 16/3/2021 của C cục Thi hành án dân sự TP.C, TỈNH Đ. Ông N được nhận lại số tiền 807.500 đồng.

Ông Phạm Văn Th, bà Nh phải chịu án phí số tiền 450.000 đồng. Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005341, ngày 22/12/2021 của C cục Thi hành án dân sự TP.C, TỈNH Đ. Ông Th phải nộp tiếp tiền án phí 150.000 đồng.

Về chi phí tố tụng *(xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá):* số tiền 10.313.000 đồng ông N đã nộp tạm ứng, ông N và ông Th mỗi người chịu ½ là 5.156.500 đồng. Ông Th có trách nhiệm trả lại cho ông N số tiền 5.156.500 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.